

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/7/2026
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Tú và ông Ty Văn Hường.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Hoàng Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Ngô Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2026/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996; số CCCD: 022196008226; nơi cư trú: khu phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** anh Lê Duy T, sinh năm 1990; số CCCD: 022090006833; nơi cư trú: khu phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2026, bản tự khai ngày 13/4/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lê Duy T chung sống với nhau từ tháng 9/2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) ngày 04/9/2015, việc chung sống và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nhiều lần ngoại tình, không chung thủy vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ, tạo cơ hội cho anh T sửa đổi, nhưng anh T tiếp tục tái phạm, điều này khiến cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng căng thẳng, mất niềm tin, không còn tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Duy T.

Về con chung: chị và anh T có hai con chung, là Lê Thiên B, sinh ngày 29/5/2016 và Lê Đức D, sinh ngày 20/8/2017 chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thiên B đến khi thành niên, giao con chung Lê Đức D cho anh Lê Duy T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị và anh Lê Duy T không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị M thể hiện quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2026, bị đơn anh Lê Duy T có lời khai trình bày: về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn như chị M trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn nhỏ nhặt, năm 2023 chị M cũng đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án, nhưng sau đó vợ chồng đã rút đơn. Đến cuối năm 2025 giữa hai bên tiếp tục xảy ra những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị M đã tự ý bỏ ra ngoài sinh sống. Nay chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, vì anh còn yêu chị M, mong muốn chị M quay về đoàn tụ gia đình, cùng nhau làm ăn, chăm sóc con cái.

Về con chung: anh và chị M có hai con chung, là Lê Thiên B, sinh ngày 29/5/2016 và Lê Đức D, sinh ngày 20/8/2017. Trong trường hợp có căn cứ ly hôn, anh không muốn tách các con, nếu Tòa án giao cho anh cả hai hoặc Tòa án giao cho chị M nuôi dưỡng cả hai con chung, anh đều đồng ý.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh và chị M không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng cố tình vắng mặt.

* Về việc thu thập, tài liệu chứng cứ:

- Tại biên bản xác minh về nguyên nhân phát sinh tranh chấp ngày 23/4/2026, đại diện cộng đồng dân cư thôn M, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cung cấp về nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn vợ chồng thì cộng đồng dân cư không rõ, nhưng vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi.

- Tại Biên bản ghi nhận nguyện vọng của con chưa thành niên ngày 20/4/2026 các cháu Lê Thiên B có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Lê Đức D có nguyện vọng được sống với bố.

* Các sự kiện không phải chứng minh, tình tiết các đương sự đã thống nhất, như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: hai đương sự kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) ngày 04/9/2015.

- Về con chung: hai đương sự có hai con chung, là Lê Thiên B, sinh ngày 29/5/2016 và Lê Đức D, sinh ngày 20/8/2017.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự không có.

* Các tình tiết các đương sự không thống nhất:

- Hai đương sự không thống nhất ly hôn và không thống nhất việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 48, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 49, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh T. Về con chung: giao con chung Lê Thiên B cho nguyên đơn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, giao con chung Lê Đức D cho bị đơn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Hai đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và khoản nợ chung: không có, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi dưỡng các con chung khi ly hôn do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú khu phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M và anh Lê Duy T trên cơ sở tìm hiểu đã cùng nhau chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ninh). Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mỗi bên đưa ra những nguyên nhân khác nhau, tuy nhiên đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn tốt đẹp và thể hiện bằng việc hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2025. Bị đơn khẳng định vẫn còn tình cảm vợ chồng không đồng ý ly hôn, tuy nhiên lại cố tình vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, là từ chối việc tham gia tố tụng để trình bày ý kiến bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, điều đó cũng chứng minh bị đơn không hề có giải pháp mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, tiếp tục duy trì xây dựng cuộc sống hôn nhân. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị M và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cầu ly hôn của chị M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: hai đương sự có hai con chung là Lê Thiên B, sinh ngày 29/5/2016 và Lê Đức D, sinh ngày 20/8/2017. Xét điều kiện về thu nhập, chỗ ở, yêu cầu của chị M và nguyện vọng của các con chung. Hội đồng xét xử thấy việc giao cho chị M và anh T mỗi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung đến khi thành niên là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M, giao con chung Lê Thiên B cho chị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, giao con chung Lê Đức D cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nguyên đơn không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con, bị đơn từ chối tham gia tố tụng, không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy vì mỗi đương sự nuôi một con chung, nên không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và khoản nợ chung: hai đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lê Duy T.
2. Về con chung: giao con chung là Lê Thiên B, sinh ngày 29/5/2016 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung Lê Đức D, sinh ngày 20/8/2017 cho anh Lê Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Hai đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.
3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001353 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này, được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát KV4 - Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV4 - Quảng Ninh;
- UBND xã Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa